



Số : *AĐD.../HEID-CV*
V/v: Công bố BCTC riêng giữa niên độ năm 2019

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2019

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

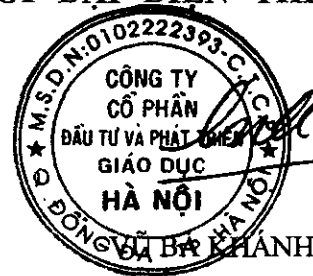
1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 187B Giảng Võ – Cát Linh- Đống Đa – Hà Nội
4. Điện thoại: 0.4.35123939 – Fax: 0.4.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Bá Khánh (Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính riêng giữa niên độ năm 2019 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội đã được soát xét (được lập ngày 09/08/2018).
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.heid.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

| | Trang |
|---|--------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 02 - 03 |
| Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 04 |
| Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét | 05 - 40 |
| Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ | 05 - 07 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ | 08 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ | 09 - 10 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ | 11 - 40 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 (thay đổi lần 03) ngày 20/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|----------------------|--------------|
| Ông Phạm Văn Thắng | Chủ tịch |
| Ông Vũ Bá Khánh | Phó Chủ tịch |
| Bà Trần Thị Như Hà | Ủy viên |
| Bà Dương Thị Việt Hà | Ủy viên |
| Bà Đỗ Thị Phương | Ủy viên |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|----------------------|-------------------|
| Ông Vũ Bá Khánh | Tổng Giám đốc |
| Bà Trần Thị Như Hà | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Phan Doãn Thoại | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Dương Thị Việt Hà | Phó Tổng Giám đốc |

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

| | |
|-----------------------|------------|
| Bà Nguyễn Thúy Hạnh | Trưởng ban |
| Bà Nguyễn Thị Kim Anh | Ủy viên |
| Ông Phan Đức Minh | Ủy viên |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

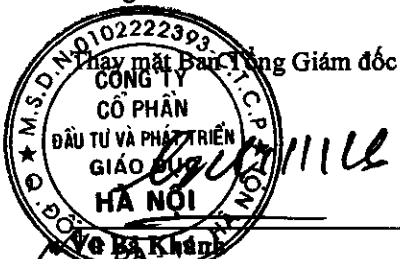
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2019, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Võ Bá Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2019



Số: 090819.007/BCTC.KT5

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 09/08/2019, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Đỗ Thị Ngọc Dung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 30/06/2019 | 01/01/2019 |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 396.682.107.222 | 332.612.135.675 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 14.505.551.201 | 50.906.178.895 |
| 111 | 1. Tiền | | 9.505.551.201 | 10.906.178.895 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 5.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| 120 | II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | 17.080.050 | 15.120.950 |
| 121 | 1. Chứng khoán kinh doanh | | 118.776.400 | 118.776.400 |
| 122 | 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | | (101.696.350) | (103.655.450) |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 220.483.599.871 | 87.155.552.949 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 4 | 222.803.908.917 | 57.860.056.913 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 5 | 12.433.171.367 | 36.519.294.520 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 6 | 7.098.561.277 | 6.768.870.017 |
| 137 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (21.852.041.690) | (13.992.668.501) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 8 | 144.868.756.950 | 173.030.352.492 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 154.637.969.929 | 175.861.729.376 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (9.769.212.979) | (2.831.376.884) |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 16.807.119.150 | 21.504.930.389 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 9 | 16.415.480.438 | 20.697.634.970 |
| 153 | 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 15 | 391.638.712 | 807.295.419 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

(tiếp theo)


| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 30/06/2019 | 01/01/2019 |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 155.731.784.500 | 159.203.080.717 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 255.800.000 | 255.800.000 |
| 216 | 1. Phải thu dài hạn khác | 6 | 255.800.000 | 255.800.000 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 2.578.909.344 | 4.000.987.781 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 10 | 2.578.909.344 | 4.000.987.781 |
| 222 | - Nguyên giá | | 12.101.644.134 | 12.024.314.134 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (9.522.734.790) | (8.023.326.353) |
| 240 | III. Tài sản dở dang dài hạn | | 300.000.000 | 300.000.000 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 11 | 300.000.000 | 300.000.000 |
| 250 | IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 12 | 152.597.075.156 | 154.201.350.000 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | | 127.682.000.000 | 127.682.000.000 |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | 14.056.250.000 | 14.056.250.000 |
| 253 | 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 17.581.750.000 | 17.581.750.000 |
| 254 | 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | (7.722.924.844) | (6.118.650.000) |
| 255 | 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| 260 | V. Tài sản dài hạn khác | | - | 444.942.936 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 9 | - | 444.942.936 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 552.413.891.722 | 491.815.216.392 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ


Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019
 (tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 30/06/2019 | 01/01/2019 |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 282.805.043.146 | 231.640.087.479 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 282.805.043.146 | 231.640.087.479 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 13 | 100.812.046.150 | 32.694.645.548 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 14 | 2.415.260.950 | 107.182.497 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 15 | 8.960.532.436 | 1.315.911.291 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 16.452.875.642 | 13.690.623.184 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 16 | 47.260.119.733 | 47.054.098.969 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | | 471.234.413 | 389.526.326 |
| 320 | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 17 | 104.529.468.839 | 129.574.294.984 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 1.903.504.983 | 6.813.804.680 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 269.608.848.576 | 260.175.128.913 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 18 | 269.608.848.576 | 260.175.128.913 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| 411a | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 1.945.655.948 | 1.945.655.948 |
| 418 | 3. Quỹ đầu tư phát triển | | 67.613.900.700 | 60.935.861.273 |
| 420 | 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | 17.239.379.502 | 17.239.379.502 |
| 421 | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 32.809.912.426 | 30.054.232.190 |
| 421a | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | 3.876.192.763 | 3.876.192.763 |
| 421b | LNST chưa phân phối kỳ này | | 28.933.719.663 | 26.178.039.427 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 552.413.891.722 | 491.815.216.392 |


 Nguyễn Thanh Bình
 Người lập biểu


 Nguyễn Thanh Bình
 Kế toán trưởng




 Tổng Giám đốc


Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm 2019 | 6 tháng đầu năm 2018 |
|-------|--|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | VND | VND |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 450.376.680.134 | 364.058.481.299 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 21 | 6.543.263.120 | 7.561.964.744 |
| 10 | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 443.833.417.014 | 356.496.516.555 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 22 | 331.504.173.090 | 258.834.263.211 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 112.329.243.924 | 97.662.253.344 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 23 | 644.096.346 | 440.160.131 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 24 | 9.471.210.857 | 4.074.614.147 |
| 23 | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | | 4.242.098.664 | 3.363.866.812 |
| 25 | 9. Chi phí bán hàng | 25 | 38.665.541.693 | 36.187.401.078 |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 28.851.374.798 | 24.130.553.249 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 35.985.212.922 | 33.709.845.001 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | | 215.846.879 | 32.764.364 |
| 32 | 12. Chi phí khác | | - | 239.865.469 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | 215.846.879 | (207.101.105) |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 36.201.059.801 | 33.502.743.896 |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 27 | 7.267.340.138 | 7.502.771.226 |
| 60 | 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | <u>28.933.719.663</u> | <u>25.999.972.670</u> |


 Nguyễn Thanh Bình
 Người lập biểu


 Nguyễn Thanh Bình
 Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 6 tháng đầu | 6 tháng đầu |
|---|--|-------------------|-----------------|-------------------|
| | | | <u>năm 2019</u> | <u>năm 2018</u> |
| | | | VND | VND |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 36.201.059.801 | 33.502.743.896 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | 21.662.435.835 | 9.922.603.176 |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư | | 1.499.408.437 | 1.489.123.654 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | 16.399.525.028 | 5.499.870.309 |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (478.596.294) | (430.257.599) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | | 4.242.098.664 | 3.363.866.812 |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 57.863.495.636 | 43.425.347.072 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | (140.771.763.404) | | (124.093.650.976) |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | 21.223.759.447 | | 24.731.168.823 |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 75.121.090.839 | | 80.352.911.928 |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | 4.727.097.468 | | (1.637.473.160) |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | (4.278.031.209) | | (3.386.561.115) |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | (1.232.416.923) | | (727.058.675) |
| 16 | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 110.000.000 | | 5.000.000 |
| 17 | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | (5.020.299.697) | | (4.552.067.520) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 7.742.932.157 | 14.117.616.377 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | | (77.330.000) | (663.447.000) |
| 27 | 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 478.596.294 | 430.257.599 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | 401.266.294 | (233.189.401) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 33 | 1. Tiền thu từ đi vay | | 153.271.001.462 | 125.691.385.918 |
| 34 | 2. Tiền trả nợ gốc vay | (178.315.827.607) | | (137.676.204.207) |
| 36 | 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | (19.500.000.000) | | (19.500.000.000) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | (44.544.826.145) | | (31.484.818.289) |

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ


Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 6 tháng đầu | 6 tháng đầu |
|-------|----------------------------------|-------------|------------------|------------------|
| | | | năm 2019 | năm 2018 |
| | | | VND | VND |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | (36.400.627.694) | (17.600.391.313) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 50.906.178.895 | 38.528.643.901 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 3 | 14.505.551.201 | 20.928.252.588 |


Nguyễn Thanh Bình
Người lập biểu


Nguyễn Thanh Bình
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 (thay đổi lần 03) ngày 20/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- Phát hành sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách hỗ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn Quý II và Quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới). Đặc điểm này dẫn đến số dư một số khoản mục như Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Phải trả người bán ngắn hạn, Hàng tồn kho (Thành phẩm) tại thời điểm 30/06 hàng năm sẽ tăng mạnh so với thời điểm đầu năm.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; Nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 03 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất và cho thuê được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh.

Khi đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, BCC được giao cho đối tác hạch toán toàn bộ doanh thu, chi phí, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng BCC.

2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

2.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25. Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh vật tư, sách giáo dục và sách khác, và toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 30/06/2019 | 01/01/2019 |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 1.086.273.827 | 568.147.524 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 8.419.277.374 | 10.338.031.371 |
| Các khoản tương đương tiền | 5.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| | 14.505.551.201 | 50.906.178.895 |

Tại ngày 30/06/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 5.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hà Nội với lãi suất 5,5%/năm.

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | 30/06/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| a) Chi tiết theo khách hàng có số dư lớn | | | | |
| - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam | 19.922.613.622 | (11.268.151.891) | 21.108.373.124 | (10.554.186.562) |
| - Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên | 17.905.477.108 | (568.283.444) | 5.503.391.770 | (307.035.060) |
| - Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa | 12.098.853.843 | - | 2.191.175.374 | - |
| - Công ty CP sách và Thiết bị trường học Hải Dương | 10.900.206.198 | - | 3.076.043.774 | (286.876.920) |
| - Công ty CP sách và Thiết bị trường học Hà Giang | 3.065.513.162 | (2.145.859.213) | 3.590.957.866 | (1.795.478.933) |
| - Các khách hàng khác | 158.911.244.984 | (1.872.217.387) | 22.390.115.005 | (1.049.091.026) |
| | 222.803.908.917 | (15.854.511.935) | 57.860.056.913 | (13.992.668.501) |
| b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan | 56.028.137.799 | (12.366.459.381) | 25.893.704.782 | (10.554.186.562) |

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

NHÀ XUẤT BÁN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 30/06/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| a) Trả trước cho người bán chi tiết theo khách hàng có số dư lớn | | | | |
| - Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An | 9.155.611.743 | - | 2.089.275.717 | - |
| - Nhà Máy in Bộ quốc phòng (trước đây là Nhà máy in Bộ tổng tham mưu) | - | - | 17.422.621.831 | - |
| - Công ty Cổ phần in Khoa học Công nghệ Hà Nội | - | - | 1.314.547.021 | - |
| - Trả trước cho người bán khác | 3.277.559.624 | - | 15.692.849.951 | - |
| | 12.433.171.367 | - | 36.519.294.520 | - |
| b) Trả trước cho các bên liên quan | 1.920.807.113 | - | - | - |

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

6. PHẢI THU KHÁC

| | 30/06/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|----------------------|------------------------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | | | |
| Phải thu lãi tiền gửi | - | - | 62.638.889 | - |
| Tạm ứng | 428.600.000 | - | 586.946.310 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 70.000.000 | - | 145.179.000 | - |
| Phải thu khác | 6.599.961.277 | (5.997.529.755) | 5.974.105.818 | - |
| - Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội ⁽¹⁾ | 5.997.529.755 | (5.997.529.755) | 5.874.105.818 | - |
| - Các khoản phải thu khác | 602.431.522 | - | 100.000.000 | - |
| | 7.098.561.277 | (5.997.529.755) | 6.768.870.017 | - |
| b) Dài hạn | | | | |
| Ký cược, ký quỹ | 255.800.000 | - | 255.800.000 | - |
| | 255.800.000 | - | 255.800.000 | - |

⁽¹⁾ Đây là khoản vốn góp của Công ty để thực hiện Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa Công ty và các bên gồm: Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội; Công ty CP Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất (làm kho, xưởng sản xuất) theo hình thức tài sản đồng kiểm soát.

Trong năm 2018, đại diện các bên góp vốn và chủ đầu tư (Công ty CP In Sách giáo khoa tại TP Hà Nội) đã họp và thống nhất chủ trương chuyển nhượng dự án, đảm bảo thu hồi vốn đầu tư trên nguyên tắc bảo toàn vốn. Tuy nhiên đến nay, chủ đầu tư vẫn chưa tìm được đối tác để triển khai thực hiện chủ trương này. Công ty đánh giá công tác tìm

kiểm soát để chuyển nhượng lại dự án để thu hồi vốn là rất khó khăn. Do đó, trong kỳ Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này.

7. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

| | 30/06/2019 | | 01/01/2019 | |
|--|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | VND | VND | VND | VND |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam ⁽¹⁾ | 19.922.613.622 | 8.654.461.731 | 21.108.373.124 | 10.554.186.562 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên | 1.894.278.145 | 1.325.994.701 | 1.023.450.200 | 716.415.140 |
| Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Giang | 3.065.513.162 | 919.653.949 | 3.590.957.866 | 1.795.478.933 |
| Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội | 5.997.529.755 | - | 5.997.529.755 | 5.997.529.755 |
| Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hải Dương | - | - | 956.256.400 | 669.379.480 |
| Các đối tượng khác | 3.200.150.380 | 1.327.932.993 | 1.920.805.829 | 871.714.803 |
| | 34.080.085.064 | 12.228.043.374 | 34.597.373.174 | 20.604.704.673 |

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng giám đốc Công ty đang thực hiện mọi biện pháp nhằm thu hồi toàn bộ các khoản nợ phải thu khó đòi này.

⁽¹⁾ Do tình hình tiêu thụ bộ sách Tiếng anh Express gặp nhiều khó khăn nên Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam chưa thể thanh toán khoản công nợ mua sách phát sinh từ năm 2017 theo đúng thời hạn thanh toán được quy định trong các hợp đồng mua bán. Căn cứ vào số nợ quá hạn và thời gian quá hạn thanh toán với công ty này, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC.

8. HÀNG TỒN KHO

| | 30/06/2019 | | 01/01/2019 | |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên liệu, vật liệu ⁽ⁱ⁾ | 31.682.164.079 | - | 87.688.742.246 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 13.369.934.620 | - | 13.160.217.354 | - |
| Thành phẩm ⁽ⁱ⁾ | 80.139.036.666 | (9.769.212.979) | 24.924.920.650 | (2.831.376.884) |
| Hàng hoá ⁽ⁱ⁾ | 24.958.786.743 | - | 45.099.564.184 | - |
| Hàng gửi đi bán | 4.488.047.821 | - | 4.988.284.942 | - |
| | 154.637.969.929 | (9.769.212.979) | 175.861.729.376 | (2.831.376.884) |

⁽ⁱ⁾ Như đã trình bày tại thuyết minh số 1, do tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nên nguyên liệu, vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tại thời điểm 30/06/2019 có biến động đáng kể so với thời điểm đầu năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thành phẩm được trích lập do giá trị các loại sách chậm luân chuyển, đã lạc hậu về nội dung, cũ nát, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ và đang chờ thanh lý. Các loại sách này sẽ được Công ty xem xét biện pháp thanh lý khi hết mùa vụ phát hành.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | 30/06/2019 | 01/01/2019 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| - Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ⁽ⁱ⁾ | 9.078.757.255 | 11.372.329.333 |
| - Chi phí thuê cửa hàng chờ phân bổ | 2.278.071.819 | 3.225.953.637 |
| - Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ ⁽ⁱⁱ⁾ | 5.058.651.364 | 6.099.352.000 |
| | 16.415.480.438 | 20.697.634.970 |
| b) Dài hạn | | |
| - Chi phí thuê kho | - | 444.942.936 |
| | - | 444.942.936 |

⁽ⁱ⁾ Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

⁽ⁱⁱ⁾ Phí bán thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong kỳ.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|-------------------------------|------------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 11.011.260.988 | 1.013.053.146 | 12.024.314.134 |
| - Mua trong kỳ | - | 77.330.000 | 77.330.000 |
| Số dư cuối kỳ | 11.011.260.988 | 1.090.383.146 | 12.101.644.134 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 7.435.637.096 | 587.689.257 | 8.023.326.353 |
| - Khấu hao trong kỳ | 1.382.397.223 | 117.011.214 | 1.499.408.437 |
| Số dư cuối kỳ | 8.818.034.319 | 704.700.471 | 9.522.734.790 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày đầu năm | 3.575.623.892 | 425.363.889 | 4.000.987.781 |
| Tại ngày cuối kỳ | 2.193.226.669 | 385.682.675 | 2.578.909.344 |

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.232.750.216 VND.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | 30/06/2019 | 01/01/2019 |
|---|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Công trình Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa ⁽¹⁾ | 300.000.000 | 300.000.000 |
| | 300.000.000 | 300.000.000 |

⁽¹⁾ Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội thuộc Dự án "Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa". Hiện tại dự án này đang tạm dừng đầu tư.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

| Mã chứng khoán | 30/06/2019 | | 01/01/2019 | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Đầu tư vào Công ty con | 127.682.000.000 | - | 127.682.000.000 | - |
| - Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công | 125.000.000.000 | - | 125.000.000.000 | - |
| - Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục | 2.682.000.000 | - | 2.682.000.000 | - |
| Đầu tư vào Công ty liên kết | 14.056.250.000 | - | 14.056.250.000 | - |
| - Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây | 14.056.250.000 | - | 14.056.250.000 | - |
| Các khoản đầu tư khác | 17.581.750.000 | (7.722.924.844) | 17.581.750.000 | (6.118.650.000) |
| - Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội | 1.212.500.000 | - | 1.212.500.000 | - |
| - Công ty CP Đầu tư xuất bản sách - Thiết bị trường học Việt Nam | 6.000.000.000 | (955.624.844) | 6.000.000.000 | (552.000.000) |
| - Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục ⁽¹⁾ | 10.369.250.000 | (6.767.300.000) | 10.369.250.000 | (5.566.650.000) |
| | 159.320.000.000 | (7.722.924.844) | 159.320.000.000 | (6.118.650.000) |

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Riêng khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (mã cổ phiếu EFI), giá trị hợp lý được xác định căn cứ theo giá giao dịch bình quân của cổ phiếu EFI trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM tại ngày 28/12/2018 và ngày 28/06/2019 lần lượt là: 4.802.600.000 VND và 3.601.950.000 VND.

⁽¹⁾ Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/NQ-HĐQT ngày 11/04/2019 đã thông qua chủ trương bán toàn bộ số cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (mã chứng khoán EFI) với số lượng 1.091.500 cổ phiếu, theo giá bán thỏa thuận và phương thức giao dịch khớp lệnh. Trong kỳ, Công ty chưa thực hiện được việc bán số cổ phiếu này.

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2019 như sau:

| Tên công ty con | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|----------------------------|---------------|------------------------|---|
| Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công | Hà Nội | 100% | 100% | Kinh doanh Bất động sản |
| Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục | Hà Nội | 89,4% | 89,4% | Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục |

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2019 như sau:

| Tên công ty liên kết | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|----------------------------|---------------|------------------------|--------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây | Hà Nội | 46,34% | 46,34% | Kinh doanh sách, thiết bị trường học |

Đầu tư vào đơn vị khác

| Tên công ty nhận đầu tư | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|----------------------------|---------------|------------------------|--|
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội | Hà Nội | 4,85% | 4,85% | Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa |
| Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản sách - Thiết bị trường học Việt Nam | Hà Nội | 5,52% | 5,52% | Tổ chức xuất bản sách, thiết bị trường học |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục | Hà Nội | 10,03% | 10,03% | Quản lý, khai thác và kinh doanh BĐS; Đầu tư tài chính |

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 30/06/2019 | | 01/01/2019 | |
|----------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Trái phiếu ⁽ⁱⁱ⁾ | 1.000.000.000 | - | 1.000.000.000 | - |
| | 1.000.000.000 | - | 1.000.000.000 | - |

⁽ⁱⁱ⁾ Công ty mua 100 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong năm 2017 với mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 10 năm với lãi suất thả nổi.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 30/06/2019 | | 01/01/2019 | |
|--|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng | Giá trị | Số có khả năng |
| | VND | trả nợ | VND | trả nợ |
| a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn | | | | |
| - Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội | 22.983.504.955 | 22.983.504.955 | 8.745.521.502 | 8.745.521.502 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng | - | - | 3.483.555.843 | 3.483.555.843 |
| - Phải trả cho các đối tượng khác | 77.828.541.195 | 77.828.541.195 | 20.465.568.203 | 20.465.568.203 |
| | 100.812.046.150 | 100.812.046.150 | 32.694.645.548 | 32.694.645.548 |
| b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32) | 40.382.418.911 | 40.382.418.911 | 13.788.390.312 | 13.788.390.312 |

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | 30/06/2019 | 01/01/2019 |
|--|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| a) Người mua trả tiền trước chi tiết theo người mua có số dư lớn | | |
| - Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Bắc Ninh | 300.556.174 | - |
| - Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh | 1.713.399.888 | - |
| - Các khoản người mua trả tiền trước khác | 401.304.888 | 107.182.497 |
| | 2.415.260.950 | 107.182.497 |
| b) Người mua trả tiền trước là bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32) | 1.713.399.888 | 10.959.810 |

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

| | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | Số phải thu cuối kỳ | Số phải nộp cuối kỳ |
|----------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|----------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 243.134.030 | 2.542.022.982 | 658.997.149 | - | 2.126.159.863 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 763.965.785 | 7.267.340.138 | 1.232.416.923 | - | 6.798.889.000 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 802.452.419 | 308.811.476 | 2.829.828.823 | 2.687.500.019 | 386.795.712 | 35.483.573 |
| Các loại thuế khác | 4.843.000 | - | 3.000.000 | 3.000.000 | 4.843.000 | - |
| | 807.295.419 | 1.315.911.291 | 12.642.191.943 | 4.581.914.091 | 391.638.712 | 8.960.532.436 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 30/06/2019 | 01/01/2019 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 36.815.546 | 72.748.091 |
| Trích trước chi phí tổ chức bán thảo, công in, tổ chức và quản lý xuất bản | 40.798.500.693 | 40.195.595.541 |
| Trích trước chi phí xây dựng, duy trì, vận hành, phát triển và khai thác sách mềm | 3.660.270.674 | 4.832.585.522 |
| Chi phí phải trả khác | 2.764.532.820 | 1.953.169.815 |
| | 47.260.119.733 | 47.054.098.969 |

NHÀ XUẤT BÁN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

17. VAY NGẮN HẠN

| | 01/01/2019 | | Trong kỳ | | 30/06/2019 | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội | 53.497.663.292 | 53.497.663.292 | 103.983.610.543 | 145.109.061.460 | 12.372.212.375 | 12.372.212.375 |
| Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công | 52.996.187.945 | 52.996.187.945 | 4.425.316.800 | - | 57.421.504.745 | 57.421.504.745 |
| Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam | 23.080.443.747 | 23.080.443.747 | 6.519.122.400 | 29.599.566.147 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành | - | - | 38.342.951.719 | 3.607.200.000 | 34.735.751.719 | 34.735.751.719 |
| | 129.574.294.984 | 129.574.294.984 | 153.271.001.462 | 178.315.827.607 | 104.529.468.839 | 104.529.468.839 |

a) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng của Công ty như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | Hình thức đảm bảo | 30/06/2019 | 01/01/2019 |
|---|-----------|-------------------|--|------------------------|------------------------|
| | | | | VND | VND |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội | VND | Theo từng khế ước | Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công | 12.372.212.375 | 53.497.663.292 |
| Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công | VND | 5,50% | Tin chấp | 57.421.504.745 | 52.996.187.945 |
| Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam | VND | Theo từng khế ước | Quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán/cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu | - | 23.080.443.747 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành | VND | 5,60% | Quyền sở hữu và lợi ích (trừ lãi bằng tiền mặt) của trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | 34.735.751.719 | - |
| | | | | 104.529.468.839 | 129.574.294.984 |

h) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay đối với các bên liên quan

Khoản vay đối với các bên liên quan của Công ty trong kỳ là khoản vay ngắn hạn đối với Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (Công ty con), trong đó: Gốc vay tại thời điểm 01/01/2019 và 30/06/2019 lần lượt là 52.996.187.945 VND và 57.421.504.745 VND; Chi phí lãi vay phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 lần lượt là 911.113.441 VND và 1.445.416.578 VND.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------------|--------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Số dư đầu năm trước | 150.000.000.000 | 1.945.655.948 | 51.835.845.062 | 15.369.519.543 | 28.736.489.056 | 247.887.509.609 |
| Lãi trong kỳ trước | - | - | - | - | 25.999.972.670 | 25.999.972.670 |
| Trả cổ tức bằng tiền mặt | - | - | - | - | (19.500.000.000) | (19.500.000.000) |
| Trích Quỹ đầu tư phát triển | - | - | 5.360.296.293 | - | (5.360.296.293) | - |
| Số dư cuối kỳ trước | 150.000.000.000 | 1.945.655.948 | 57.196.141.355 | 15.369.519.543 | 29.876.165.433 | 254.387.482.279 |
| Số dư đầu năm nay | 150.000.000.000 | 1.945.655.948 | 60.935.861.273 | 17.239.379.502 | 30.054.232.190 | 260.175.128.913 |
| Lãi trong kỳ này | - | - | - | - | 28.933.719.663 | 28.933.719.663 |
| Trả cổ tức bằng tiền | - | - | - | - | (19.500.000.000) | (19.500.000.000) |
| Trích Quỹ đầu tư phát triển | - | - | 6.678.039.427 | - | (6.678.039.427) | - |
| Số dư cuối kỳ này | 150.000.000.000 | 1.945.655.948 | 67.613.900.700 | 17.239.379.502 | 32.809.912.426 | 269.608.848.576 |

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2019, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

| | Tỷ lệ % | Số tiền VND |
|---|-------------|----------------|
| Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2018 trên Báo cáo tài chính riêng | | 37.397.199.181 |
| Đã tạm phân phối trong năm 2018 như sau | | 11.219.159.754 |
| - Trích Quỹ đầu tư phát triển | 10% | 3.739.719.918 |
| - Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi | 10% | 3.739.719.918 |
| - Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát | 5% | 1.869.859.959 |
| - Quỹ bổ sung vốn điều lệ | 5% | 1.869.859.959 |
| Phân phối phần lợi nhuận năm 2018 còn lại trong kỳ này | | 26.178.039.427 |
| - Trích Quỹ đầu tư phát triển | 18% | 6.678.039.427 |
| - Chi trả cổ tức (Tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.300 VND) | 13%/cổ phần | 19.500.000.000 |
| Lợi nhuận năm 2018 còn lại chưa phân phối | | - |

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | 30/06/2019 VND | Tỷ lệ % | 01/01/2019 VND | Tỷ lệ % |
|---|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
| Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam | 60.246.000.000 | 40,16% | 60.246.000.000 | 40,16% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục | 7.581.890.000 | 5,06% | 7.581.890.000 | 5,06% |
| Peter Eric Dennis | 7.816.000.000 | 5,21% | 7.816.000.000 | 5,21% |
| Các cổ đông khác | 74.356.110.000 | 49,57% | 74.356.110.000 | 49,57% |
| Cộng | 150.000.000.000 | 100% | 150.000.000.000 | 100% |

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | 6 tháng đầu năm 2019 VND | 6 tháng đầu năm 2018 VND |
|--|--------------------------------|--------------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| - Vốn góp đầu năm | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| - Vốn góp cuối kỳ | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận: | | |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm | - | - |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ | 19.500.000.000 | 19.500.000.000 |
| + Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước | 19.500.000.000 | 19.500.000.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền | 19.500.000.000 | 19.500.000.000 |
| + Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước | 19.500.000.000 | 19.500.000.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối kỳ | - | - |

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

d) Cổ phiếu

| | <u>30/06/2019</u> | <u>01/01/2019</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 15.000.000 | 15.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ | 15.000.000 | 15.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 15.000.000 | 15.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 15.000.000 | 15.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 15.000.000 | 15.000.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND | | |

e) Các quỹ của Công ty

| | <u>30/06/2019</u> | <u>01/01/2019</u> |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| - Quỹ đầu tư phát triển | 67.613.900.700 | 60.935.861.273 |
| - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 17.239.379.502 | 17.239.379.502 |
| | <u>84.853.280.202</u> | <u>78.175.240.775</u> |

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê văn phòng, cửa hàng và các nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm 30/06/2019, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

| | <u>30/06/2019</u> | <u>01/01/2019</u> |
|----------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| - Từ 1 năm trở xuống | 8.483.907.278 | 9.283.057.727 |
| - Từ 1 năm đến 5 năm | 15.702.829.091 | 16.479.450.909 |
| - Trên 5 năm | 1.530.000.000 | - |

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | <u>6 tháng đầu năm 2019</u> | <u>6 tháng đầu năm 2018</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán sách giáo khoa, sách bổ trợ | 291.060.853.695 | 235.608.389.388 |
| Doanh thu bán sách tham khảo | 55.395.134.076 | 46.106.876.932 |
| Doanh thu bán vật tư | 52.185.037.163 | 40.594.578.783 |
| Doanh thu bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác | 51.735.655.200 | 41.748.636.196 |
| | <u>450.376.680.134</u> | <u>364.058.481.299</u> |

Doanh thu đối với các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

| | <u>6 tháng đầu năm 2019</u> | <u>6 tháng đầu năm 2018</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| | <u>65.195.427.768</u> | <u>57.185.292.044</u> |

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

| | 6 tháng đầu năm 2019 | 6 tháng đầu năm 2018 |
|-----------------------|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Chiết khấu thương mại | 4.389.540.780 | 6.225.570.980 |
| Hàng bán bị trả lại | 2.153.722.340 | 1.336.393.764 |
| | 6.543.263.120 | 7.561.964.744 |

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | 6 tháng đầu năm 2019 | 6 tháng đầu năm 2018 |
|---|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn bán sách giáo khoa, sách bổ trợ | 187.256.974.577 | 143.671.522.926 |
| Giá vốn bán sách tham khảo | 46.505.753.297 | 37.344.277.291 |
| Giá vốn bán vật tư | 52.159.812.385 | 41.757.623.755 |
| Giá vốn bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác | 38.643.796.736 | 36.063.526.407 |
| Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 6.937.836.095 | (2.687.168) |
| | 331.504.173.090 | 258.834.263.211 |

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 6 tháng đầu năm 2019 | 6 tháng đầu năm 2018 |
|--|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi | 356.908.794 | 308.882.599 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 121.687.500 | 121.375.000 |
| Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán | 165.500.052 | 9.902.532 |
| | 644.096.346 | 440.160.131 |

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | 6 tháng đầu năm 2019 | 6 tháng đầu năm 2018 |
|---|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 4.242.098.664 | 3.363.866.812 |
| Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm | 3.624.613.723 | - |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 1.602.315.744 | 708.528.247 |
| Chi phí tài chính khác | 2.182.726 | 2.219.088 |
| | 9.471.210.857 | 4.074.614.147 |

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | 6 tháng đầu năm 2019 | 6 tháng đầu năm 2018 |
|-----------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 105.181.379 | 139.904.236 |
| Chi phí nhân công | 15.966.336.204 | 15.202.677.483 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng | 198.229.258 | 306.784.841 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 186.041.520 | 186.041.520 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 10.896.605.784 | 10.811.027.823 |
| Chi phí khác bằng tiền | 11.313.147.548 | 9.540.965.175 |
| | 38.665.541.693 | 36.187.401.078 |

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | 6 tháng đầu năm 2019 | 6 tháng đầu năm 2018 |
|-----------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.249.741.746 | 1.960.033.720 |
| Chi phí nhân công | 9.361.135.675 | 7.596.175.480 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng | 259.134.975 | 175.833.827 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.313.366.917 | 1.303.082.134 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Chi phí dự phòng | 7.859.373.189 | 4.794.029.230 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.833.625.348 | 5.763.703.443 |
| Chi phí khác bằng tiền | 2.971.996.948 | 2.534.695.415 |
| | 28.851.374.798 | 24.130.553.249 |

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | 6 tháng đầu năm 2019 | 6 tháng đầu năm 2018 |
|---|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN | 36.201.059.801 | 33.502.743.896 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 257.328.388 | 497.193.857 |
| - Chi phí khấu hao ô tô trên 1,6 tỷ VND | 177.328.389 | 177.328.389 |
| - Các khoản tiền phạt | - | 239.865.469 |
| - Lương HĐQT không trực tiếp điều hành | 79.999.999 | 79.999.999 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | (121.687.500) | (121.375.000) |
| - Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN | (121.687.500) | (121.375.000) |
| Thu nhập chịu thuế TNDN | 36.336.700.689 | 33.878.562.753 |
| Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này | - | 727.058.675 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%) | 7.267.340.138 | 7.502.771.226 |
| Thuế TNDN phải nộp đầu năm | 763.965.785 | (189.638.461) |
| Thuế TNDN đã nộp trong kỳ | (1.232.416.923) | (727.058.675) |
| Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ | 6.798.889.000 | 6.586.074.090 |

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | 6 tháng đầu năm 2019 | 6 tháng đầu năm 2018 |
|-----------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 148.532.010.126 | 114.129.449.210 |
| Chi phí nhân công | 25.327.471.879 | 22.798.852.963 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng | 457.364.233 | 482.618.668 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.499.408.437 | 1.489.123.654 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Chi phí dự phòng | 7.859.373.189 | 4.794.029.230 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 87.300.743.552 | 80.315.792.697 |
| Chi phí khác bằng tiền | 14.285.144.496 | 12.075.660.590 |
| | 285.264.515.912 | 236.088.527.012 |

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

| | Giá trị sổ kế toán | | | |
|------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | 30/06/2019 | | 01/01/2019 | |
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 14.505.551.201 | - | 50.906.178.895 | - |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 230.158.270.194 | (21.852.041.690) | 64.884.726.930 | (13.992.668.501) |
| Đầu tư ngắn hạn | 118.776.400 | (101.696.350) | 118.776.400 | (103.655.450) |
| Đầu tư dài hạn | 11.369.250.000 | (6.767.300.000) | 11.369.250.000 | (5.566.650.000) |
| | 256.151.847.795 | (28.721.038.040) | 127.278.932.225 | (19.662.973.951) |

| | Giá trị sổ kế toán | |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| | 30/06/2019 VND | 01/01/2019 VND |
| Nợ phải trả tài chính | | |
| Vay và nợ | 104.529.468.839 | 129.574.294.984 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 101.283.280.563 | 33.084.171.874 |
| Chi phí phải trả | 47.260.119.733 | 47.054.098.969 |
| | 253.072.869.135 | 209.712.565.827 |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Cộng VND |
|----------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|----------------------|
| Tại ngày 30/06/2019 | | | | |
| Đầu tư ngắn hạn | 17.080.050 | - | - | 17.080.050 |
| Đầu tư dài hạn | - | 4.814.450.000 | - | 4.814.450.000 |
| | 17.080.050 | 4.814.450.000 | - | 4.831.530.050 |
| Tại ngày 01/01/2019 | | | | |
| Đầu tư ngắn hạn | 15.120.950 | - | - | 15.120.950 |
| Đầu tư dài hạn | - | 6.015.100.000 | - | 6.015.100.000 |
| | 15.120.950 | 6.015.100.000 | - | 6.030.220.950 |

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các công cụ tài chính khác).

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Cộng VND |
|---------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|----------------------|------------------------|
| Tại ngày 30/06/2019 | | | | |
| Tiền | 14.505.551.201 | - | - | 14.505.551.201 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 207.980.428.504 | 325.800.000 | - | 208.306.228.504 |
| Đầu tư trái phiếu | - | - | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| | 222.485.979.705 | 325.800.000 | 1.000.000.000 | 223.811.779.705 |
| Tại ngày 01/01/2019 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 50.906.178.895 | - | - | 50.906.178.895 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 50.636.258.429 | 255.800.000 | - | 50.892.058.429 |
| Đầu tư trái phiếu | - | - | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| Cộng | 101.542.437.324 | 255.800.000 | 1.000.000.000 | 102.798.237.324 |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Cộng VND |
|--------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| Tại ngày 30/06/2019 | | | | |
| Vay và nợ | 104.529.468.839 | - | - | 104.529.468.839 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 101.283.280.563 | - | - | 101.283.280.563 |
| Chi phí phải trả | 47.260.119.733 | - | - | 47.260.119.733 |
| | 253.072.869.135 | - | - | 253.072.869.135 |
| Tại ngày 01/01/2019 | | | | |
| Vay và nợ | 129.574.294.984 | - | - | 129.574.294.984 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 33.084.171.874 | - | - | 33.084.171.874 |
| Chi phí phải trả | 47.054.098.969 | - | - | 47.054.098.969 |
| | 209.712.565.827 | - | - | 209.712.565.827 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

Toàn bộ số tiền vay nhận được phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là tiền thực thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong kỳ phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là tiền thực trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 17):

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

| | Mối quan hệ | 6 tháng đầu | 6 tháng đầu |
|--|------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | năm 2019 | năm 2018 |
| | | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng | | 65.195.427.768 | 57.185.292.044 |
| Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam | Công ty mẹ | 158.181.818 | 51.086.354 |
| Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục | Công ty con | 259.222.300 | 1.937.731.877 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây | Công ty liên kết | 33.353.703.484 | 28.176.208.695 |
| Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội | Cùng Tập đoàn | 27.810.695 | 53.955.440 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh | Cùng Tập đoàn | 206.231.650 | 1.025.619 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh | Cùng Tập đoàn | 7.058.645.045 | 6.389.551.416 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình | Cùng Tập đoàn | 5.526.888.810 | 4.085.434.581 |
| Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh | Cùng Tập đoàn | 163.258.344 | 250.225.735 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng | Cùng Tập đoàn | 5.622.119.982 | 3.600.316.420 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam | Cùng Tập đoàn | 2.455.949.376 | 5.624.221.130 |
| Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông | Cùng Tập đoàn | 3.330.298.242 | 2.829.036.090 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc | Cùng Tập đoàn | 601.346.778 | 447.510.921 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung | Cùng Tập đoàn | - | 3.682.800 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam | Cùng Tập đoàn | 76.275.000 | 264.336.440 |
| Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng | Cùng Tập đoàn | 15.519.900 | 206.718.156 |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội | Cùng Tập đoàn | - | 21.303.200 |
| Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục | Cùng Tập đoàn | - | 2.841.080 |
| Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề | Cùng Tập đoàn | 15.816.309 | - |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Điện Biên | Cùng Tập đoàn | 6.324.160.035 | 3.240.106.090 |

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

| | Mối quan hệ | 6 tháng đầu năm 2019 VND | 6 tháng đầu năm 2018 VND |
|---|------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Mua vật tư, hàng hóa | | 22.847.255.187 | 15.950.399.974 |
| Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục | Công ty con | 77.084.142 | 58.115.400 |
| Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây | Công ty liên kết | 185.546.295 | 75.263.618 |
| Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh Giáo dục | Cùng Tập đoàn | 214.504.807 | 163.653.695 |
| Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề | Cùng Tập đoàn | 7.768.983.804 | 3.450.713.892 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng | Cùng Tập đoàn | 45.900.000 | - |
| Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng | Cùng Tập đoàn | 39.297.190 | 68.721.860 |
| Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục | Cùng Tập đoàn | - | 50.889.600 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam | Cùng Tập đoàn | 18.150.000 | - |
| Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông | Cùng Tập đoàn | 59.656.823 | 20.594.634 |
| Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội | Cùng Tập đoàn | 891.000.000 | - |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc | Cùng Tập đoàn | 5.480.703.798 | 1.520.964.984 |
| Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội | Cùng Tập đoàn | 2.014.175.528 | 1.480.277.794 |
| Công ty CP Sách Dân tộc | Cùng Tập đoàn | 5.529.966.900 | 4.186.599.400 |
| Công ty CP Học liệu | Cùng Tập đoàn | 450.000.000 | 4.850.420.397 |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội | Cùng Tập đoàn | 28.269.900 | 24.184.700 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo Dục | Cùng Tập đoàn | 44.016.000 | - |
| Chi phí tổ chức bán thảo, biên tập, quản lý xuất bản | | 38.143.417.571 | 40.219.928.642 |
| Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục | Công ty con | 173.682.425 | 302.912.676 |
| Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội | Cùng Tập đoàn | 392.006.422 | 2.554.345.786 |
| Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội | Cùng Tập đoàn | 37.577.728.724 | 37.362.670.180 |
| Chi phí dịch vụ thuê kho, thuê văn phòng | | 3.694.153.840 | 2.771.980.817 |
| Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công | Công ty con | 2.709.000.203 | 2.660.745.362 |
| Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội | Cùng Tập đoàn | 818.830.909 | 6.508.182 |
| Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội | Cùng Tập đoàn | 166.322.728 | 104.727.273 |
| Cổ tức và lợi nhuận được chia | | 121.250.000 | 121.250.000 |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà | Cùng Tập đoàn | 121.250.000 | 121.250.000 |
| Lãi vay phải trả | | 1.445.416.578 | 911.113.441 |
| Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công | Công ty con | 1.445.416.578 | 911.113.441 |

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

| | Mối quan hệ | 30/06/2019 | 01/01/2019 |
|--|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | VND | VND |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | 56.028.137.799 | 25.893.704.782 |
| Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam | Công ty mẹ của tập đoàn | 236.480.128 | 255.880.128 |
| Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục | Công ty con | 2.196.614.979 | 2.141.619.747 |
| Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây | Công ty liên kết | 21.732.434.807 | - |
| Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Điện Biên | Cùng Tập đoàn | 3.548.752.032 | - |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng | Cùng Tập đoàn | 5.576.453.982 | - |
| Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tĩnh | Cùng Tập đoàn | 596.597.516 | 41.953.973 |
| Công ty CP MI thuật và Truyền thông | Cùng Tập đoàn | 1.929.839.736 | 395.362.735 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam | Cùng Tập đoàn | - | 1.737.111.280 |
| Công ty CP Sách Giáo Dục tại thành phố Hà Nội | Cùng Tập đoàn | 41.871.700 | 41.871.700 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh | Cùng Tập đoàn | - | 80.368.462 |
| Công ty CP Sách Giáo Dục tại thành phố Hồ Chí Minh | Cùng Tập đoàn | 245.646.977 | 82.388.633 |
| Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề | Cùng Tập đoàn | 832.320 | 8.775.000 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam | Cùng Tập đoàn | 19.922.613.622 | 21.108.373.124 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 1.713.399.888 | 10.959.810 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Điện Biên | Cùng Tập đoàn | - | 10.959.810 |
| Công ty CP Sách Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh | Cùng Tập đoàn | 1.713.399.888 | - |

NHÀ XUẤT BÁN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
 Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:


| | Mối quan hệ | 30/06/2019 | 01/01/2019 |
|---|---------------|-----------------------|-----------------------|
| | | VND | VND |
| Phải trả cho người bán ngắn hạn | | 40.382.418.911 | 13.788.390.312 |
| Nhà xuất bán Giáo dục tại Hà Nội | Cùng Tập đoàn | 22.983.504.955 | 8.745.521.502 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng | Cùng Tập đoàn | - | 3.483.555.843 |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bán Giáo dục Hà Nội | Cùng Tập đoàn | 661.060.008 | 1.489.494.051 |
| Công ty CP Học liệu | Cùng Tập đoàn | 450.000.000 | - |
| Công ty CP Sách Đại học và Dạy nghề | Cùng Tập đoàn | 7.055.657.770 | - |
| Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc | Cùng Tập đoàn | 3.385.372.664 | 46.050.036 |
| Công ty CP sách và thiết bị trường học Hà Tây | Cùng Tập đoàn | - | 284.000 |
| Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh giáo dục | Cùng Tập đoàn | 219.465.000 | 1.169.280 |
| Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng | Cùng Tập đoàn | 71.803.110 | 22.315.600 |
| Công ty CP Sách Dân tộc | Cùng Tập đoàn | 5.021.864.700 | - |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo Dục | Cùng Tập đoàn | 44.016.000 | - |
| Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội | Cùng Tập đoàn | 489.674.704 | - |
| Trả trước cho người bán | | 1.920.807.113 | - |
| Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục | Công ty con | 1.920.807.113 | - |


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:



| | 6 tháng đầu năm 2019 | 6 tháng đầu năm 2018 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập của Tổng Giám đốc | 644.874.000 | 583.177.334 |
| Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị | 1.829.046.622 | 1.727.320.432 |

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được kiểm toán xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.


 Nguyễn Thanh Bình
 Người lập biểu


 Nguyễn Thanh Bình
 Kế toán trưởng



 Vũ Bá Khánh
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2019